



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ☐ Yes, ☐ No

EXIT VISA: ☐ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HOANG TRUNG
Last Middle First

Current Address B 194 ap. Thai Trung - P.21 - Thị xã Tây Ninh

Date of Birth 02/06/1942 Place of Birth Quang Nam

Previous Occupation (before 1975) Major & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 04/20/1975 To 10-1984

3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>Ly Minh Tan</u>	<u>friend</u>
<u>0 / 00 VA 22157</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LY THI HOANG OANH	1947	wife
HOANG KIM NGAN	1968	daughter
HOANG NGAN TIEN	1970	daughter
HOANG KIM UEN	1971	daughter
HOANG KIM THANH	1974	daughter
HOANG KIM MINH	1975	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại XUAN LOC

SX 943 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT.TG, ban hành theo công văn số 2305 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	0	8	7	8	1	4	5	4	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHBLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 333/QĐ ngày 29 tháng 09 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HOANG TRUNG Sinh năm 19 42

Các tên gọi khác

Nơi sinh Quảng nam

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

15/7B Đường Lâm Văn Tồn, Tây Ninh

Can tội Thiếu tá trưởng ban I liên đoàn

Bị bắt ngày 30/04/1975 Án phạt TTQT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 15/7B Đường Lâm Văn Tồn, Tây Ninh

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế : 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 15 tháng 11 năm 19 84

Đã ký, đóng dấu
Hoàng Trung

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Trần Văn B

Hoàng Trung

Ngày 28 tháng 10 năm 1984

Giám thị

Trần Văn B

Đại úy : Vũ Hữu Hằng

Can
BDP
man D
thu

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : HOANG-TRUNG Sex: Nam Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 6-2-1942. Quang-Nam
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : B.194 Ấp Phái-Trung
phường II. Thị xã Tây Ninh.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : (B.194. Ấp Phái-Trung Phường II. Thị xã Tây Ninh) 664/10 Nguyễn
Trần Chiểu P3
Q3. TP. Hồ Chí Minh.
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Làm ruộng
8. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>LÝ THỊ HOANG-DANH</u>					
2. <u>30-10-47 Tây Ninh Nữ</u>				<u>M</u>	<u>Vợ</u>
3. <u>HOANG KIM NGÂN 22-1-1968 Tây Ninh Nữ</u>				<u>S</u>	<u>Con</u>
4. <u>HOANG NGÂN TUYẾN 25-3-70 TN nt</u>				<u>S</u>	<u>Con</u>
5. <u>HOANG KIM UYÊN 29-11-71 TN nt</u>				<u>S</u>	<u>Con</u>
6. <u>HOANG KIM THANH 14-4-74 TN nt</u>				<u>S</u>	<u>Con</u>
7. <u>HOANG KIM MINH 30-5-75 TN nt</u>				<u>S</u>	<u>Con</u>
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative in the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	Lý Minh TÂN
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	Em vợ.
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	1 ^o 1978
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	HUYỀN - TRÚ (Sống)
2. Mother Mẹ	:	NGUYỄN Thị Nghiêp (Chết)
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	Lý Thị Hoàng - DANH. (S)
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	
5. Children Con cái:	(1)	HOANG KIM NGÂN - (Sống)
	(2)	HOANG NGÂN TUYẾN (Sống)
	(3)	HOANG KIM QUYÊN (Sống)
	(4)	HOANG KIM THANH (Sống)
	(5)	HOANG KIM MINH (Sống)
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	HOANG - SANH (S)
	(2)	
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc : _____
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : _____
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam : _____
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đương sự có không? Có ☒ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường: _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-thọ chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : HOANG-TRUNG
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 30-4-75 Đến: 26-10-84
3. Still in Reeducation? * Yes ☐ No ☐
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có ☐ Không ☒ Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Lý Bình Trí 30-1-1980 Tây Ninh (nam) Cháu ruột
B193 ấp Thái Trung Phường II Thị xã Tây Ninh.

Signature
Ký tên :

Trần Văn

Date
Ngày:

9-9-1986

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1 giấy ra trại -
- 1 chứng thư hôn thú của 2 vợ -
- 5 giấy khai sinh của 3 con -
- 1 giấy chứng chỉ tại ngũ
- 1 giấy khai sinh của cháu.

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HOANG-TRUNG

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 30-9-62 Đến 30-4-75

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Phieu TA Serial Number: 020975
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Tiền khu Tây-Ninh. Bộ-Binh

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Buoi đuc TAI

FR: Hoang-Trung -
664/10 ng thu Chiếu.
P2 Q3 TP. HCM.

TO: Mrs. Thúc minh Thọ .

P.O. Box 5435 Arlington VA 22205-0635

USA.

PHO-BAL

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG

CHỨNG-CHỈ TẠI NGŨ

Số: 30071

Họ và Tên: NGUYỄN - THƯỜNG

Cấp bậc: Thiếu-Tá/OLY-HA/AC

Số quân: 294

Đơn vị: 93th LUDF

KBC 42851 ngày 22-3-1975

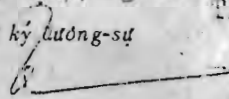
CHỈ HUY TẠI

MẤU

01.10.74

00-750 GIỚI THƯ TÁ HUYNH-TRUNG

(Thay thế mẫu 00-750 trước 10.74) Chính Tiếp Võ

Hiệu lực đến 22.9.75	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
	TRÁI	Dấu tay ngón trỏ	Ngày sinh : 06-2-1942 Nơi sinh : QUẢNG - TRUNG Cha : NGUYỄN - TRU Mẹ : LÊ - THỊ - GIANG Địa-chỉ hiện tại : 44 C - QUẢNG - TRUNG Chữ ký tương-sự 
	PHẢI		

Tỉnh Tây-Ninh
QUẬN Phủ-Khương
XÃ Thái-hiệp-thành
Số hiệu 40



TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên họ người chồng HOÀNG - TRUNG
nghề-nghiep Quân nhân
sinh ngày 6 tháng 2 năm 1942
tại Xuân-Quang (Quảng-Nam)
cư-sở tại -
tam-trú tại K.B.C. 6.010
Tên họ cha chồng Huỳnh - Trư (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên họ mẹ chồng Nguyễn - thị - Nghiệp (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên họ người vợ LÝ - THỊ HOÀNG - OANH
nghề-nghiep Nội - trợ
sinh ngày 30 tháng 10 năm 1947
tại Thái-hiệp-thành (Tây-Ninh)
cư-sở tại Thái-hiệp-thành (Tây-Ninh)
tam-trú tại Thái-hiệp-thành (Tây-Ninh)
Tên họ cha vợ Lý - Văn - Phán (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Sanh tự Hoàng (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới Ngày năm tháng Chín, Năm một ngàn
chín trăm sáu mươi sáu, hồi chín
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế — giờ./-
ngày / tháng / năm /
tại / / /

Trích y bản chính

Thái-hiệp-thành ngày 6 tháng 9 năm 1966

Nhân thư chữ ký Nguyễn Thị Hoàng Oanh
Tư lệnh và KT. xã Thái hiệp thành
Tây-Ninh, ngày 6 tháng 9 năm 1966
T. L. TỈNH-TRƯỞNG
K. T. PHÓ TỈNH-TRƯỞNG



Viên-chức Hộ-Tịch

KT. Thủ-Tịch UB.HQ.Xã,
Kiểm Hộ-Tịch.

Võ Văn THANG tự Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu BT2/P3

Xã, thị trấn

Thị xã, quận

Thành phố, tỉnh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 1658

Quyển số 01



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	Trương Văn Ngân		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng năm	22-01-1968 tại thôn Hòa Thuận, phường II, thị xã Tây Ninh			
Nơi sinh	Thị xã Tây Ninh			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	Trương Trung 6-2-1942		Lý Thị Hoàng Anh 20-10-1947	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Bác sĩ		Bác sĩ	
Nơi ĐKKK thường trú	15/4 ấp Hòa Thuận, phường II, thị xã Tây Ninh		15/4 ấp Hòa Thuận, phường II, thị xã Tây Ninh	
Họ tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Trương Trung 44t Ngụ tại số nhà 15/4 ấp Hòa Thuận, phường II, thị xã Tây Ninh. Giấy chứng minh số 290/H4602			

Sao: bản chính 8

Viết lại, ngày 12 tháng 03 năm 1968

Ngày 18 tháng 3 năm 1968

TM/UBND Phường II ký tên, đóng dấu
(Chỉ rõ, họ tên, chức vụ)

CHỦ TỊCH

CHÁNH VĂN PHÒNG

Chủ tịch Đò ký

Nguyễn Văn Bân



Trương Văn Ngân

Tây-Ninh Việt Nam ngày 10-9-1986
Thỉnh gởi:

Bà Húc Minh Khó.

Chưa bà, qua lời giới thiệu của người
bạn, được biết bà làm việc ở cơ quan CDP.
Bà đã đặc biệt giúp đỡ cho những người
V.N. gọi đơn xin đi theo chương trình CDP.
Tôi rất vui mừng và phấn khởi khi được
nghe tin này, liền viết thư kèm theo hồ
sơ của gia đình tôi để kính nhờ Bà
xem xét và chuyển hồ sơ đến cơ quan
liên hệ để xem xét cho gia đình tôi được
phép ra đi theo chương trình này, Trước đây
tôi cũng đã gửi hồ sơ qua em tôi là:
Lý minh TÂN ở 5738 Harming Ave Springfield
222151. Virginia USA. để nộp, nhưng sợ bị
thất lạc hồ sơ. Nay, tôi gửi tiếp hồ sơ này
để kính nhờ Bà giúp đỡ cho.

Chân thành cảm ơn Bà, mọi sự thuận-
đạt, gia đình chúng tôi xin đặt trọn niềm tin
vào Bà.

Kính chúc Bà an Khang và gặp nhiều may
mắn' nơi Hải - ngoại.

Trân trọng.

HOÀNG-TRUNG.

Địa chỉ liên lạc khẩn cấp:
Hoàng Trung (B. 134 Ấp Thái Trung.
Phường II. Thị trấn Tây Ninh VN)
664/10 Ngõ đình Chiêu.
P.3.Q.3.TP. Hồ Chí Minh.

017 08 1985

Số hiệu 606

HOANG NGHINH LAI NGUOI TAY BO RUONG

KHAI SANH



TRICH V TRONG BỘ CHANH
Thái-Hiệp-Thành
Ngày 1 Tháng 4 dl. 1970
Ủy-Viên Hộ-Tịch



BUI-VĂN-ME

NHÂN THỰC CHỦ KÝ TRƯỞNG CƯỚI
Ủy viên Hộ tịch THT
Tây-Ninh, ngày 1 tháng 4 dl. 1970



TRẦN-VĂN-QUI

Tên, họ ấu nhi	Hoàng Ngân Tuyền
Phái	Nữ
Sinh	Hai mươi lăm tháng ba dương lịch
(Ngày, tháng, năm)	Năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Tại	Thái hiệp Thành
Cha	Hoàng Trung
(Tên họ)	
Tuổi	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Cư-trú tại	Thái hiệp Thành
Mẹ	Lý thị Hoàng Oanh
(Tên họ)	
Tuổi	Hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Cư-trú tại	Thái hiệp Thành
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thứ)	
Người khai	Hoàng Trung
(Tên họ)	
Tuổi	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	Thái hiệp Thành
Ngày khai	Ba, mười một tháng ba dương lịch
	Năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Người chứng thứ nhất	Chu Quang Đại
(Tên họ)	
Tuổi	Hai mươi bảy tuổi
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Cư-trú tại	Thái hiệp Thành
Người chứng thứ nhì	Nguyễn Thanh Tông
(Tên họ)	
Tuổi	Ba mươi hai tuổi
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Cư-trú tại	Thái hiệp Thành

Làm tại Tây-Ninh, ngày 31 tháng 3 dl 1970

Người khai, Hộ-tịch, Nhân chứng,
Ký tên: Trung Ủy Viên Hộ Tịch Ký tên: Đại
Bùi văn Me :Tông
(ký tên)

KHAI SANH



HỌ TÊN - KIM - UYÊN	
Tên họ ấu nhi:	Nữ
Phái:	Hai mươi chín tháng mười một dương-lịch
Sanh	năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.
(Ngày tháng năm)	
Tại:	Thái-Hiệp-Thành
Chợ:	Hoàng-Trung..
(Tên họ)	
Tuổi	Hai mươi chín tuổi
	quan-Nhan
Nghề-nghiep	Thái-Hiệp-Thành
Cư trú tại	Lý-thị-Hoàng-Canh
Mẹ:	Hai mươi bốn tuổi
(Tên họ)	
Tuổi	Nội-trợ
Nghề-nghiep	Thái-Hiệp-Thành
Cư trú tại	Thái-Hiệp-Thành ngày 5.9.66
Vợ	Hoàng-Trung..
(Chức vụ hay thứ)	
Người khai	Hai mươi chín tuổi.
(Tên họ)	
Tuổi	quan-Nhan
Nghề-nghiep	Thái-Hiệp-Thành
Cư trú tại	Bốn tháng chạp dương-lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.
Ngày khai	Đông-văn-phẩm
Người chứng thứ nhất:	Bốn mươi hai tuổi
(Tên họ)	
Tuổi	quan-Nhan
Nghề-nghiep	Thái-Hiệp-Thành
Cư trú tại:	Nguyễn-văn-Dau
Người chứng thứ nhì	Bốn mươi lăm tuổi
(Tên họ)	
Tuổi	Lâm-muôn
Nghề-nghiep	Thái-Hiệp-Thành
Cư trú tại:	

TRÍCH Y TRONG BỘ CHANH
Thái-Hiệp-Thành
Ngày 10. Tháng 10 - 01.1971
Ủy-Viên Hộ-Tịch

[Signature]
VÕ-VĂN-KHÁNH

Làm tại _____, ngày _____ tháng _____ năm 19____
Nơi khai THUNG Ủy-Viên Hộ-Tịch Ký tên PH. KH. KH. KH.
Võ-văn-Khánh (Ký tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Thị trấn Phước II
Thị xã Quên Phước II
Thành phố, tỉnh Bắc Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT/PS

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 778

Quyển số



Họ tên :	<u>HOANG KIM - MINH</u>		Nam, L. <u>Nu</u> ²
Ngày g. năm :	<u>Ba miền, tháng năm, năm một ngàn chín</u> <u>trăm bảy mươi lăm (30-5-1975)</u>		
Nơi sinh	<u>Thị xã Bắc Ninh</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	M B	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Hoàng - Trung</u> <u>06-02-1942</u>	<u>Lý Thị Hoàng - Oanh</u> <u>30-10-1947</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Học - Tập</u>	<u>Làm - ruộng</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Xuân - Lạc, Long - Khánh</u> <u>Đông - Nam</u>	<u>15B7, 2/ Cầu - Trung</u> <u>Phước II</u>	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lý Thị Hoàng - Oanh</u> sinh năm 1947 ngụ <u>15B7, 2/ Cầu - Trung</u> <u>Phước II</u> <u>Thị xã Bắc Ninh</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 9 tháng 11 năm 1984

TM. UBND P. 2 ký tên đóng dấu

P. Chủ tịch
Hà Văn Liệt

Đóng Ký ngày 14 tháng 8 năm 1981

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND Phước II Thị trấn Kiến Tân Huyện Dân

UV / Thủ Ký

Đã Ký

Trần Văn Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Thị trấn
Thị xã, Quận Thị xã
Thành phố, Tỉnh Tây Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu: MT2/P3

BẢN SẠO
GIẤY KHAI SINH

Số: 1426

Quyển số: 01

Họ và tên:	<u>LÊ BÌNH TRỊ</u>		Nam, nữ	<u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm:	<u>Born month 11th year 1984 (30.11.1984)</u>			
Nơi sinh	<u>Thị xã Tây Ninh</u>			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lý Minh Tân</u> <u>1956</u>		<u>Nguyễn Thị Văn</u> <u>1959</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>		<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Vietnam</u>		<u>Vietnam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>		<u>Tổ sư</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>1407 ấp Thới Trung</u> <u>Thị xã Tây Ninh</u>		<u>1407 ấp Thới Trung</u> <u>Thị xã Tây Ninh</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lý Văn Duyến 1987 + Văn ngọc 1987</u> <u>ấp Thới Trung Thị xã Tây Ninh</u>			

Nhân thức
do y viên chính
ngày 28/11/84

T.M. / UBND P. II
1 Chủ tịch

Nguyễn Văn

Châu Ngọc Mai



Đã ký ngày 28 tháng 11 năm 1984
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

T.M. / UBND P. II

R/ Chủ tịch

Đã ký Châu Ngọc Mai

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH TÂY-NINH

QUẬN Phu-Khuong

XÃ Thái-Hiệp-Thành

Số hiệu 686



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 17 tháng 4 năm 1974

Tên họ đứa trẻ : HOANG - KIM - THANH
Con trai hay con gái : nu
Ngày sanh : Mười bốn tháng tư dương lịch
Năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn
Nơi sanh : Thái-Hiệp-Thành
Tên họ người cha : Hoang-Trung
Tên họ người mẹ : Ly-Thị Hoang-Ganh
Vợ chánh hay không : có
có hôn thú : Đo HT số 40 Thái-Hiệp-Thành ngày 5-7-66
Tên họ người đứng khai : Hoang-Trung

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Thái-Hiệp-Thành ngày 17 tháng 4 năm 1974

VIỆN CHỮC HỘ-TỊCH



KIỂM HỘ-TỊCH

LÊ-VĂN-CHÀ